

Số: 33/2023/QĐST - HNGĐ

T, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Số 207/1 Quốc L 1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Hữu Hoàng G, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số 207/1 Quốc L 1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 02/7/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 21 tháng 3 năm 2023, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Hoàng T, sinh ngày 28/7/2011 và Nguyễn Phương Kiều N, sinh ngày 24/10/2014. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hữu Hoàng T, sinh ngày 28/7/2011 và Nguyễn Phương Kiều N, sinh ngày 24/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu Hoàng G cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu Hoàng T, sinh ngày 28/7/2011 mỗi tháng 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Hữu Hoàng G không cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phương Kiều N, sinh ngày 24/10/2014 do bà Nguyễn Thị Kim T không có yêu cầu.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về các vấn đề khác: Không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G thỏa thuận bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Hoàng G đã nộp theo biên lai thu số [0002094](#) ngày [20/02/2023](#) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND Phường 4, TP T, tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Hằng